TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **183/**2024/DS - ST

Ngày 20- 9- 2024

V/v tranh chấp "*Hợp đồng thi công xây dựng*".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tuấn;

2. Bà Phạm Thị Kim Lan.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Mai Chiến Trực - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2024/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 248/2024/QĐST –DS ngày 04/9/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Ông Dương Thế N, sinh năm: 1984. Địa chỉ: tổ F khu E, C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Bà Phạm Thị Quế A, sinh năm: 1996. Địa chỉ: Số B khu phố C, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Lê Minh T, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Số C ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh

Bến Tre. Có mặt.

- Hoặc ông Phạm Văn H, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Số C ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến tre.

- ***Bị đơn***: Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Đ Đại diện: Lê Duy T1 – Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

Địa chỉ: số A N, phường N, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Minh T trình bày:

Ông Dương Thế N và vợ là bà Phạm Thị Quế A có thỏa thuận về việc thuê Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ xây dựng nhà ở.

Ngày 08/8/2023, bà Phạm Thị Quế A và ông Dương Thế N có ký Hợp đồng kinh tế số: 0808/HĐKT-LG với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ, ông N, bà Quế A giao cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ để thi công xây mới "Nhà phố" tại địa chỉ B, khu phố C, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre với diện tích dự kiến thiết kế xây dựng là 369m^2 (số m^2 thực tế sẽ được xác định theo bản vẽ cuối cùng để thi công). Giá trị hợp đồng thiết kế tạm tính trên diện tích 369m^2 là 130.560.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ngày 30/8/2023, bà Phạm Thị Quế A, ông Dương Thế N tiếp tục ký Hợp đồng thi công số: 300823/HĐTC với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ việc ông N, bà Quế A giao cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ thi công "Nhà phố" tại địa chỉ B, khu phố C, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo Hợp đồng kinh tế số: 0808/HĐKT-LG ký ngày 08/8/2023. Theo đó, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ khoán gọn (trọn gói) thi công toàn bộ phần vật tư và nhân công gồm:

"Phần thô + Phần hoàn thiện + Trang trí nội thất" để làm hoàn thành công việc từ khi nhận mặt bằng thi công đến khi hoàn thiện toàn bộ căn nhà theo đúng hồ sơ thiết kế và bảng báo giá đã được hai bên thống nhất. Quy mô xây dựng thi công "Nhà phố" tại địa chỉ B, khu phố C, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre: 01 trệt + 02 lầu + Sân thượng + Mái ngói trang trí.

Giá trị Hợp đồng thi công số: 300823/HĐTC được ký ngày 30/8/2023 là: 2.155.440.000 đồng (Chi phí thi công phần thô) + 901.320.000 đồng (Chi phí thi công xây dựng phần hoàn thiện) + 400.000.000 đồng (Chi phí thi công nội thất) + 130.560.000 đồng (Trừ phần tiền thiết kế) = 3.326.200.000 đồng (Ba tỷ, ba trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm nghìn đồng).

Ông N và bà Quế A đã tạm ứng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ số tiền là: 65.280.000 đồng (tạm ứng 50% Hợp đồng thiết kế xây dựng nhà ở gia đình) + 1.700.000.000 đồng (tạm ứng 50% Hợp đồng xây dựng nhà ở gia đình) = 1.765.280.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm sáu mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Tuy nhiên, sau khi nhận số tiền tạm ứng nêu trên, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ thực hiện đúng theo Hợp đồng đã ký, chỉ mới bắt đầu xây dựng phần thô (sàn nhà) nhưng chưa hoàn thiện.

Ngày 25/12/2023 ông Dương Thế N và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ ký Bản cam kết về việc gia hạn cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ thời gian thi công xây dựng nhà ở theo Hợp đồng kinh tế số: 0808/HĐKT-LG ngày 08/8/2023 và Hợp đồng thi công số: 300823/HĐTC ngày 30/8/2023.

Theo đó, gia hạn cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ thi công lại nhà ở vào ngày 15/01/2024. Trường hợp đến ngày 05/01/2024 không tiếp tục thi công công trình nhà ở như đã thỏa thuận trong Hợp đồng và Bản cam kết kèm theo thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ có nghĩa vụ hoàn trả số tiền tạm ứng ban đầu cho ông N, bà Quế A sau khi đã trừ các khoản thanh toán hiện hữu (vật tư và nhân công) tại công trường, đồng thời, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ trách nhiệm cung cấp toàn bộ bản vẽ thiết kế công trình cho nguyên đơn, cụ thể:

- Số tiền đã tạm ứng cho việc thi công: 1.765.280.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm sáu mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng);

- Các khoản thanh toán hiện hữu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ đã chi trả: Chi phí nhân công: 84.000.000 đồng; Chi phí vật tư: 387.451.950 đồng; Chi phí ép cọc bê tông: 143.858.000 đồng; Chi phí bê tông: 45.380.000 đồng. Tổng cộng các khoản thanh toán hiện hữu là 660.689.950 đồng

Số tiền Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ hoàn trả lại cho ông N, bà Quế A là: 1.104.590.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 15/01/2024, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ thực hiện nghĩa vụ tiếp tục thi công nhà ở cho nguyên đơn theo Bản cam kết ngày 25/12/2023 về việc gia hạn cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ thời gian thi công xây dựng nhà ở theo Hợp đồng kinh tế số: 0808/HĐKT-LG ngày 08/8/2023 và Hợp đồng thi công số: 300823/HĐTC ngày 30/8/2023. Do đó nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre giải quyết như sau:

- Chấm dứt Hợp đồng kinh tế số: 0808/HĐKT-LG ngày 08/8/2023 và Hợp đồng thi công số: 300823/HĐTC ngày 30/8/2023 được ký giữa ông Dương Thế N, bà Phạm Thị Quế A với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ việc thi công xây dựng "Nhà phố" tại địa chỉ B, khu phố C, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre;

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ có nghĩa vụ thực hiện hoàn trả cho ông Dương Thế N, bà Phạm Thị Quế A số tiền là 1.104.590.000 đồng (Một tỷ, một trăm lẻ bốn triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng). Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên;

- Nguyên đơn xin rút yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ trách nhiệm cung cấp toàn bộ bản vẽ thiết kế thi công xây dựng.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng "Nhà phố" tại địa chỉ B, khu phố C, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

[3] Về tố tụng: Người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với người đại diện theo pháp luật của bị đơn.

[4] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Chấm dứt Hợp đồng kinh tế số: 0808/HĐKT-LG ngày 08/8/2023 và Hợp đồng thi công số: 300823/HĐTC ngày 30/8/2023 được ký giữa ông Dương Thế N, bà Phạm Thị Quế A với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ - Xây dựng Lê Gia . Yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ có nghĩa vụ thực hiện hoàn trả cho ông Dương Thế N, bà Phạm Thị Quế A số tiền là 1.104.590.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

[4.1] Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là "*01 Bản sao hợp đồng thi công số 300823/HĐTC ngày 30/8/2023; bản sao 01 hợp đồng kinh tế số 0808/HĐKT-LG ngày 08/08/2023; 02 bản sao phiếu thu; 01 Bản cam kết ngày 25/12/2023 tất cả là bản sao có công chứng chứng thực*". Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của bị đơn đều vắng mặt. Tuy nhiên căn cứ vào Hợp đồng thi công số 300823/HĐTC ngày 30/8/2023 và hợp đồng kinh tế số 0808/HĐKT-LG ngày 08/08/2023 được ký kết giữa ông Dương Thế N và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ thì địa chỉ của bị đơn tại số A N, phường N, quận A, thành phố Hồ Chí Minh; Tòa án đã tống đạt hợp lệ tài liệu chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối gì đối với chứng cứ và yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Do đó có căn cứ xác định Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ ký Hợp đồng thi công số 300823/HĐTC ngày 30/8/2023 và hợp đồng kinh tế số 0808/HĐKT-LG ngày 08/08/2023 với ông Dương Thế N. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ - Tự vấn - Xây dựng đã tạm ứng thi công của ông Dương Thế N số tiền 1.765.280.000 đồng thể hiện qua 02 phiếu thu (bút lục 30, 31) và bản cam kết ngày 25/12/2023 (bút lục 32).

[4.2] Xét thấy Hợp đồng thi công số 300823/HĐTC ngày 30/8/2023 và hợp đồng kinh tế số 0808/HĐKT-LG ngày 08/08/2023 giữa được ký kết giữa ông Dương Thế N và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 116, 117, 121, 122, 405, 408 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản liên quan. Do vậy, có cơ sở xác định Hợp đồng là hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực pháp luật nên các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận của Hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn có lỗi không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết theo hợp đồng thi công số 300823/HĐTC ngày 30/8/2023 làm gián đoạn và ảnh hưởng đến thi công (thể hiện trong bản cam kết ngày 25/12/2023) do đó căn cứ Điều 422 Bộ luật luật dân sự 2015 yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên được chấp nhận.

Do nguyên đơn không yêu cầu tĩnh lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nguyên đơn rút yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ trách nhiệm cung cấp toàn bộ bản vẽ thiết kế thi công xây dựng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án;

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ phải nộp án phí theo quy định là 36.000.000 đồng + 3% x 104.590.000 đồng = 39.137.700 đồng.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, 147, 227, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 13, 149, 360, 418, 422, 428, 429, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Thế N, bà Phạm Thị Quế A.

Chấm dứt Hợp đồng kinh tế số: 0808/HĐKT-LG ngày 08/8/2023 và Hợp đồng thi công số: 300823/HĐTC ngày 30/8/2023 được ký giữa ông Dương Thế N, bà Phạm Thị Quế A với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ có nghĩa vụ thực hiện hoàn trả cho ông Dương Thế N, bà Phạm Thị Quế A số tiền là 1.104.590.000 (Một tỷ, một trăm lẻ bốn triệu, năm trăm chín mươi nghìn) đồng.

Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu bồi thường hợp đồng nên không xem xét.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ trách nhiệm cung cấp toàn bộ bản vẽ thiết kế thi công xây dựng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ phải nộp 39.137.700 (Ba mươi chín triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm) đồng.

Ông Dương Thế N, bà Phạm Thị Quế A được Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền 22.568.900 đồng (Hai mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn, chín trăm) đồng theo biên lai thu số 0001055 ngày 06/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục T.H.A DS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê